PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 1206/2016/
NQ-UBTVQH13

NGHỊ QUYẾT
QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 112/TTr-CP ngày 21 tháng 4 năm 2016 và Báo cáo thẩm tra số 3365/BC-UBTCNS13 ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện); xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, bao gồm: Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách và đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 3. Chế độ, chính sách đối với đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Về tiền lương

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách là cán bộ, công chức của cơ quan nhà nước thuộc đối tượng áp dụng của Luật Cán bộ, công

chức được trả lương, phụ cấp và các chế độ khác từ ngân sách nhà nước theo quy định của Ủy ban thường vụ Quốc hội và quy định khác của pháp luật;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách đang làm việc ở cơ quan, tổ chức, đơn vị trong thời gian thực hiện nhiệm vụ đại biểu được bảo đảm trả lương, phụ cấp, các chế độ khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 103 của Luật tổ chức chính quyền địa phương;

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội thì được chi trả chế độ tiền công lao động theo ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân:

Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: 0,10 mức lương cơ sở/ngày;

Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: 0,12 mức lương cơ sở/ngày;

Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 0,14 mức lương cơ sở/ngày;

Ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân là ngày tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân theo kế hoạch, chương trình hoạt động của Hội đồng nhân dân.

2. Về hoạt động phí

Đại biểu Hội đồng nhân dân (bao gồm cả đại biểu hoạt động chuyên trách và hoạt động không chuyên trách) được hưởng hoạt động phí hàng tháng như sau:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: Hệ số 0,3 mức lương cơ sở;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: Hệ số 0,4 mức lương cơ sở;

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: Hệ số 0,5 mức lương cơ sở;

3. Các chế độ, chính sách khác

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân nếu từ trần mà người lo mai táng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp mai táng từ Quỹ bảo hiểm xã hội hoặc không thuộc đối tượng hưởng trợ cấp mai táng từ ngân sách nhà nước thì được hưởng một lần trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở do Hội đồng nhân dân cấp đó chi trả từ ngân sách nhà nước;

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 4. Các điều kiện bảo đảm hoạt động

Ngoài các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 103 của Luật tổ chức chính quyền địa phương, đại biểu Hội đồng nhân dân được bảo đảm hoạt động như sau:

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách được bảo đảm chỗ làm việc, trang thiết bị văn phòng đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước theo quy định của Chính phủ.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân được cung cấp báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp và các tài liệu khác liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Việc cung cấp báo chí và thông tin cần thiết khác cho đại biểu Hội đồng nhân dân do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp kinh phí hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát; hỗ trợ công tác phí; khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; may lễ phục; nghiên cứu; học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Các khoản chi (bao gồm các chế độ, chính sách được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này) do ngân sách nhà nước bảo đảm đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào thì được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước của Hội đồng nhân dân cấp đó.

2. Các khoản chi tiền lương, phụ cấp và các chế độ, chính sách khác đối với đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách không do ngân sách bảo đảm thì cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu làm việc chi trả.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Nghị quyết này thay thế quy định tại Điều 75 và Điều 77 Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ủy ban Tài chính - Ngân sách, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ giám sát thực hiện Nghị quyết này.

2. Chính phủ quy định mức chi đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã tại Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này.

3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, tổ chức thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật./.

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2016
TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Ngân